TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN LÂM HÀ** **TỈNH LÂM ĐỒNG** Bản án số: 81/2021/HNGĐ - ST Ngày: 30/8/2021 V/v ly hôn	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN LÂM HÀ, TỈNH LÂM ĐỒNG

- ***Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có***:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Như Quỳnh

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Phạm Ngọc Diện

2. Ông Nguyễn Thái Duy

- ***Thư ký phiên tòa***: Ông Phan Khắc Duy – là Thư ký Tòa án của Tòa án nhân dân huyện Lâm Hà, tỉnh Lâm Đồng.

- ***Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Lâm Hà, tỉnh Lâm Đồng tham gia phiên tòa***: Ông Mai Trường Trinh - Kiểm sát viên.

Ngày 30 tháng 8 năm 2021, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Lâm Hà xét xử sơ thẩm công khai vụ án Hôn nhân gia đình thụ lý số 105/2021/TLST-HNGĐ ngày 02/4/2021 về việc: *"Ly hôn*" theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số 74/2021/QĐXXST-HNGĐ ngày 28/7/2021 và Quyết định hoãn phiên tòa số 43/2021/QĐST-HNGĐ ngày 10/8/2021 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Chị Hoàng Thị L sinh năm: 1983.

Địa chỉ: Thôn L, xã T, huyện L, tỉnh Lâm Đồng.

Bị đơn: Anh Nguyễn Đình T sinh năm: 1976.

Địa chỉ: Thôn L, xã T, huyện L, tỉnh Lâm Đồng.

(Các đương sự đều vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện và bản tự khai, nguyên đơn chị Hoàng Thị L trình bày: Chị xây dựng gia đình với anh T vào năm 2004, trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Hoài Đức, huyện Lâm Hà. Quá trình chung sống vợ chồng không hòa thuận hạnh phúc, nguyên nhân do vợ chồng bất đồng quan điểm sống và do anh T gia trưởng, không tôn trọng chị, thậm chí anh T

còn đánh đập chị. Chị đã cố gắng chịu đựng và cũng khuyên anh T mong anh T thay đổi nhưng không được. Vợ chồng đã ly thân từ tháng 3/2021, thời gian ly thân đã lâu, chị L xác định không còn tình cảm với anh T nên chị L yêu cầu Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn với anh T. Về con chung: Chị L xác định vợ chồng chị có 02 con chung là Nguyễn Đình Th, sinh ngày 11/11/2004 và Nguyễn Đình L, sinh ngày 12/10/2007. Khi ly hôn, chị L yêu cầu được nuôi cháu L, chị không yêu cầu anh T cấp dưỡng nuôi con. Về tài sản chung và nợ chung: Chị L xác định vợ chồng chị không có không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại bản tự khai bị đơn anh Nguyễn Đình T trình bày: Anh xây dựng gia đình, kết hôn với chị L như chị L trình bày là đúng. Vợ chồng anh chung sống hòa thuận hạnh phúc được 17 năm, đến đầu năm 2021 thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân là do chị L bị tác động từ bên ngoài. Anh không muốn ly hôn và mong muốn chị L suy nghĩ lại. Nay chị L yêu cầu Tòa án giải quyết ly hôn thì anh không đồng ý và anh đề nghị Tòa án hòa giải cho vợ chồng anh được đoàn tụ để cùng nhau lo cho các con. Về con chung: anh T xác định vợ chồng anh có hai con chung Nguyễn Đình Th, sinh ngày 11/11/2004 và Nguyễn Đình L, sinh ngày 12/10/2007. Anh T không đồng ý ly hôn nên không có ý kiến về con chung. Về tài sản chung và nợ chung: anh T xác định vợ chồng không có không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tòa án đã tiến hành mở phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận công khai chứng cứ và hòa giải nhưng anh T vắng mặt nên không hòa giải được, Tòa án đã tống đạt hợp lệ kết quả phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận công khai chứng cứ cho anh T nhưng anh T không có ý kiến gì.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Lâm Hà tham gia phiên tòa phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán và Hội đồng xét xử, cụ thể: Thẩm phán, Thư ký đã chấp hành đúng các quy định của Bộ luật Tố tụng Dân sự trong quá trình thụ lý và giải quyết vụ án. Tại phiên tòa, Hội đồng xét xử đã tuân thủ đúng trình tự phiên tòa sơ thẩm theo quy định của Bộ luật Tố tụng Dân sự. Đồng thời đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận đơn xin ly hôn của chị L, xử cho chị L được ly hôn với anh T. Về con chung đề nghị giao con chung là Nguyễn Đình L cho chị L có trách nhiệm trực tiếp nuôi dưỡng, giáo dục; giao con là Nguyễn Đình Th cho anh T có trách nhiệm trực tiếp nuôi dưỡng, giáo dục, không ai phải cấp dưỡng nuôi con. Về tài sản chung và nợ chung không đặt ra xem xét giải quyết. Về án phí: đề nghị buộc chị L phải chịu án phí theo quy định.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. Về tố tụng: Tại phiên toà, nguyên đơn chị Hoàng Thị L vắng mặt nhưng có đơn đề nghị giải quyết vắng mặt, bị đơn anh Nguyễn Đình T đã được

triệu tập hợp lệ tham gia phiên tòa đến lần thứ hai nhưng vắng mặt không vì sự kiện bất khả kháng nên căn cứ Điều 227, Điều 228 Bộ luật Tố tụng Dân sự năm 2015 cần xem xét xử vắng mặt chị L và anh T theo thủ tục chung là phù hợp.

[2]. Về quan hệ hôn nhân: Anh T và chị L xây dựng gia đình với nhau trên cơ sở tìm hiểu tự nguyện, có tổ chức lễ cưới và có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Hoài Đức, huyện Lâm Hà, tỉnh Lâm Đồng vào ngày 07/12/2004. Quá trình vợ chồng chung sống không hòa thuận hạnh phúc nên chị L làm đơn ly hôn. Tại phiên tòa, chị L và anh T vắng mặt nhưng trong đơn ly hôn và bản tự khai chị L xác định nguyên nhân mâu thuẫn là do vợ chồng bất đồng quan điểm sống và do anh T không lo tu chí làm ăn phát triển kinh tế gia đình, thường hay xúc phạm không tôn trọng chị. Ngoài ra, anh T còn hay đánh bài và có quan hệ với người phụ nữ khác. Chị L xác định không còn tình cảm với anh T nên chị yêu cầu được ly hôn. Còn tại bản tự khai anh T xác định nguyên nhân mâu thuẫn do chị L bị tác động từ bên ngoài, anh T không đồng ý ly hôn. Theo kết quả xác minh tại địa phương thì do anh T và chị L bất đồng quan điểm sống nên vợ chồng thường xuyên cãi nhau, trong những lúc nóng giận không kiềm chế được đã có những lời lẽ thiếu tế nhị xúc phạm đến lòng tự trọng của nhau. Hiện nay, anh T, chị L đã ly thân từ khoảng tháng 4/2021 cho đến nay, trong thời gian ly thân vợ chồng không còn sự quan tâm, chăm sóc nhau. Quá trình giải quyết vụ án anh T không đồng ý ly hôn, Tòa án đã nhiều lần tống đạt hợp lệ các văn bản tố tụng cho anh T nhưng anh T đều vắng mặt không có lý do nên Tòa án không thể tiến hành hòa giải được, điều này cũng chứng tỏ anh T không có thiện chí để hòa giải hàn gắn tình cảm vợ chồng với chị L. Do đó, nếu kéo dài tình trạng hôn nhân như hiện nay cũng không đem lại hạnh phúc cho các đương sự do mâu thuẫn vợ chồng đã trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được. Vì vậy, căn cứ khoản 1 Điều 56, Điều 57 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014 chấp nhận đơn yêu cầu ly hôn của chị L, xử cho chị L và anh T được ly hôn là hoàn toàn phù hợp.

[3]. Về con chung: Anh T và chị L có 02 con chung là Nguyễn Đình Th, sinh ngày 11/11/2004 và Nguyễn Đình L, sinh ngày 12/10/2007. Khi ly hôn chị L yêu cầu trực tiếp nuôi dưỡng, giáo dục cháu L; còn anh T không có ý kiến cụ thể về vấn đề con chung. Hiện cả hai con của chị L, anh T đều đã trên 07 tổi, cháu Thiện không trình bày nguyện vọng còn cháu L có nguyện vọng được ở cùng bố khi bố mẹ ly hôn. Qua xác minh tại chính quyền địa phương thì được biết hiện nay cả chị L và anh T đều đang đi ở nhà thuê, công việc và thu nhập của cả hai anh chị đều không ổn định. Vì vậy, để tránh áp lực về kinh tế cho cả chị L và anh T, đồng thời để đảm bảo tâm lý ổn định và quyền lợi về mọi mặt cho trẻ, căn cứ Điều 81 Luật Hôn nhân và gia đình giao con chung là Nguyễn Đình L cho chị L có trách nhiệm trực tiếp nuôi dưỡng, giáo dục; giao con là Nguyễn Đình Th cho anh T có trách nhiệm trực tiếp nuôi dưỡng, giáo dục là phù hợp. Về việc cấp dưỡng nuôi con do các đương sự không yêu cầu nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[4]. Về tài sản chung và nợ chung: Các đương sự xác định không có, không yêu cầu giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[5]. Về án phí: Căn cứ điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/ UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, chị L phải chịu 300.000đồng án phí dân sự sơ thẩm về việc ly hôn.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ Điều 53, khoản 1 Điều 56; Điều 57; Điều 58; Điều 81; Điều 82; Điều 83; Điều 84 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014;

- Căn cứ khoản 1 Điều 28; Điều 147; Điều 203; khoản 1, khoản 2 Điều 227, khoản 1 Điều 228 và Điều 266 Bộ luật Tố tụng Dân sự;

- Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/ UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Xử:

1/ Chấp nhận đơn yêu cầu ly hôn của chị Hoàng Thị L, xử cho chị Hoàng Thị L và anh Nguyễn Đình T được ly hôn.

2/ Về con chung: Giao con là Nguyễn Đình Th, sinh ngày 11/11/2004 cho anh Nguyễn Đình T có trách nhiệm trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục. Giao con là Nguyễn Đình L, sinh ngày 12/10/2007 cho chị Hoàng Thị L có trách nhiệm trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục. Không ai phải cấp dưỡng nuôi con.

Quyền đi lại thăm nom con, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con; quyền thay đổi người trực tiếp nuôi con; thay đổi mức cấp dưỡng được thực hiện theo quy định của Luật hôn nhân và gia đình.

3/ Về án phí: Chị Hoàng Thị L phải chịu 300.000đồng án phí dân sự sơ thẩm về việc ly hôn, được trừ vào số tiền tạm ứng án phí chị L đã nộp là 300.000đồng theo biên lai thu tiền số AA/2016/0015213 ngày 02/4/2021 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Lâm Hà, chị L đã nộp đủ án phí.

Báo cho chị L, anh T biết có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày Tòa án niêm yết bản án tại nơi cư trú để yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh Lâm Đồng xét xử phúc thẩm.

Trong trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa Thụy thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật

thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Lâm Đồng;
- VKSND huyện Lâm Hà;
- THA dân sự huyện Lâm Hà;
- Ban tư pháp nơi ĐKKH;
- Các đương sự;
- Lưu HSVA.

T.M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nguyễn Thị Như Quỳnh